FireAnt

CTCP Phát triển Đô thị (UPCOM: UDJ)

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	8,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,362
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,300
SL cổ phiếu LH	16,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,455
% sở hữu nước ngoài	4.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	140
P/E	20.7
EPS	411

	YTD	1T	3T	6T
UDJ		-1.2%	-2.3%	-4.4%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%

Cơ cấu Tổng tài sản

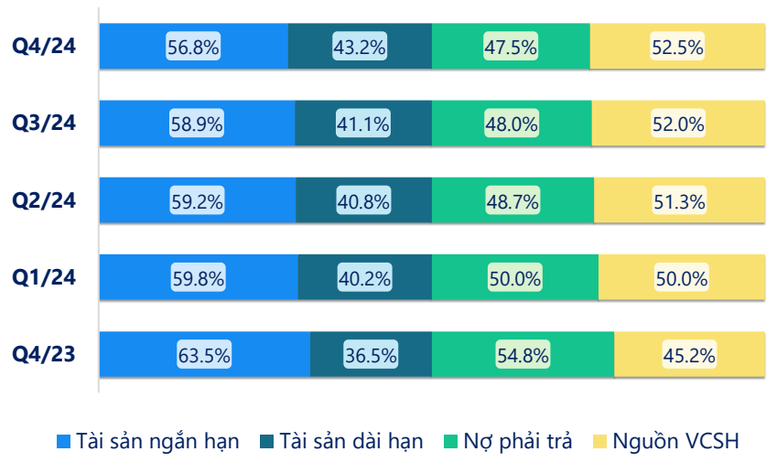

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

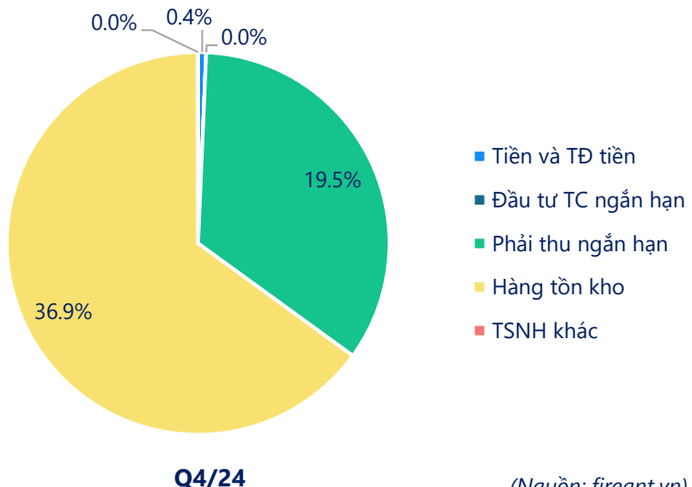

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

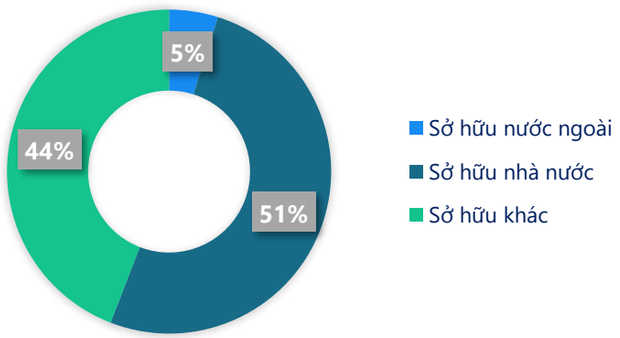

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

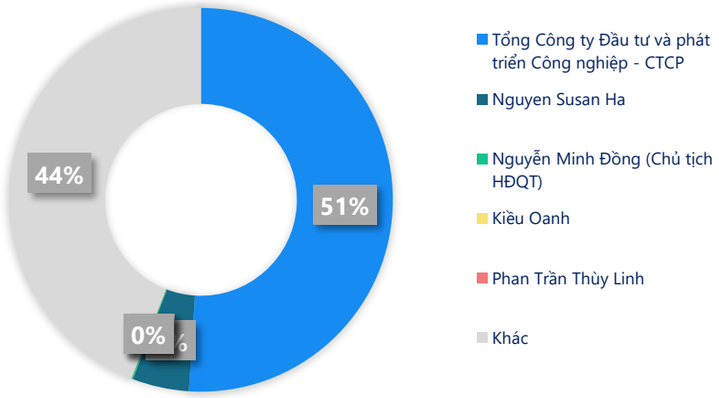

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

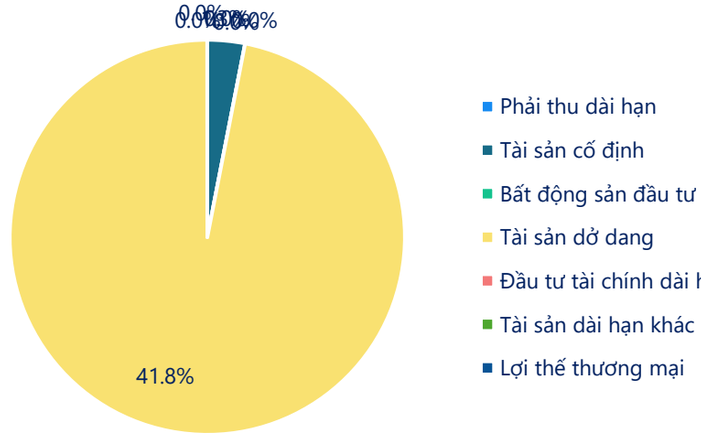

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Phát triển Đô thị (UPCOM: UDJ)

Tiền và tương đương tiền

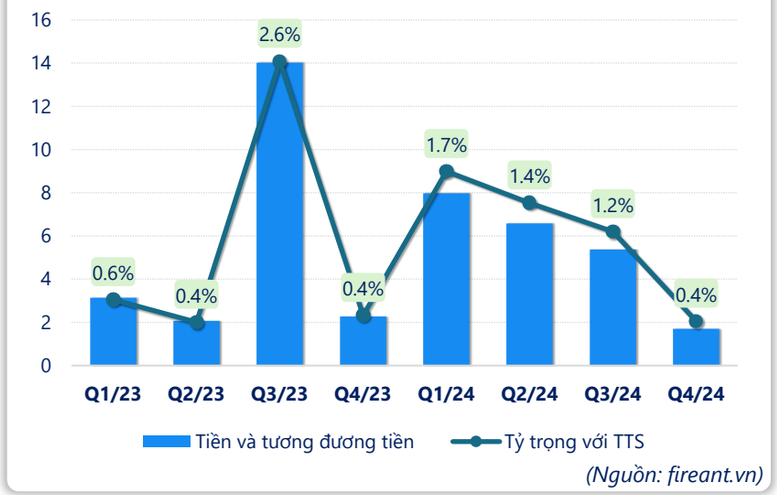

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

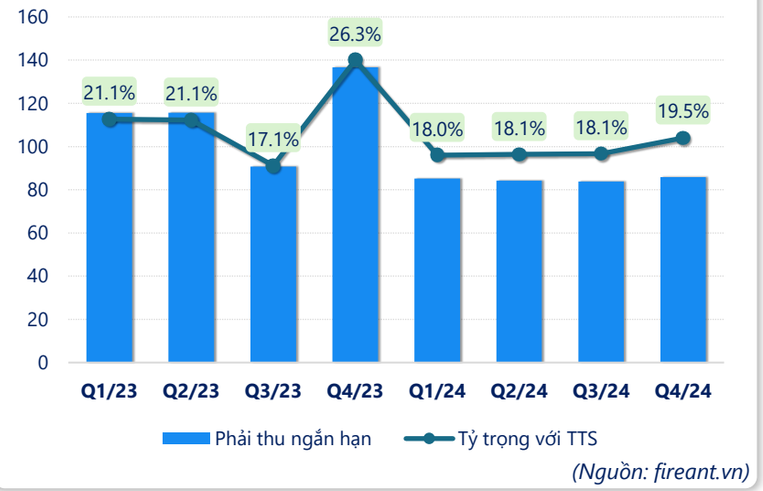

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

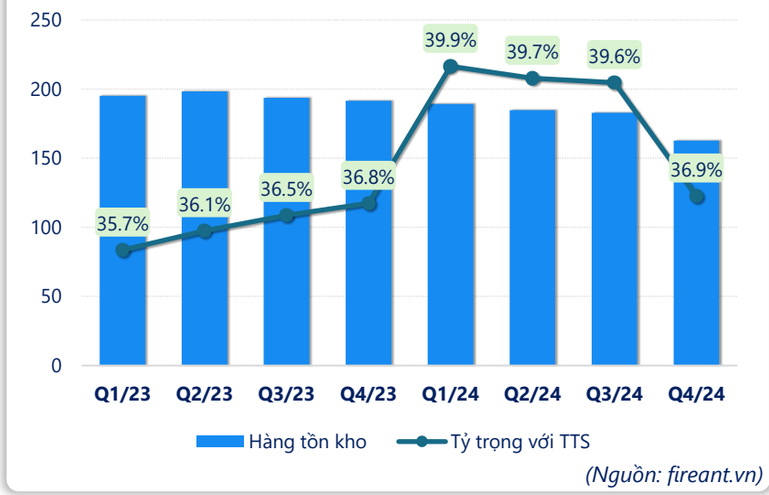

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

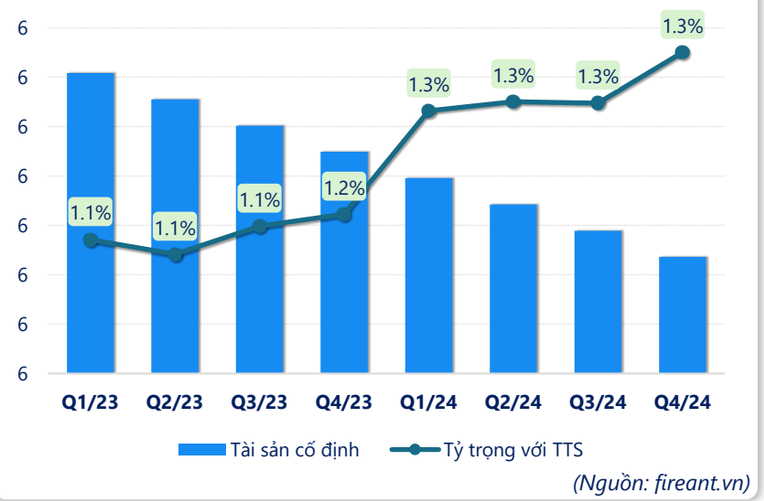

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

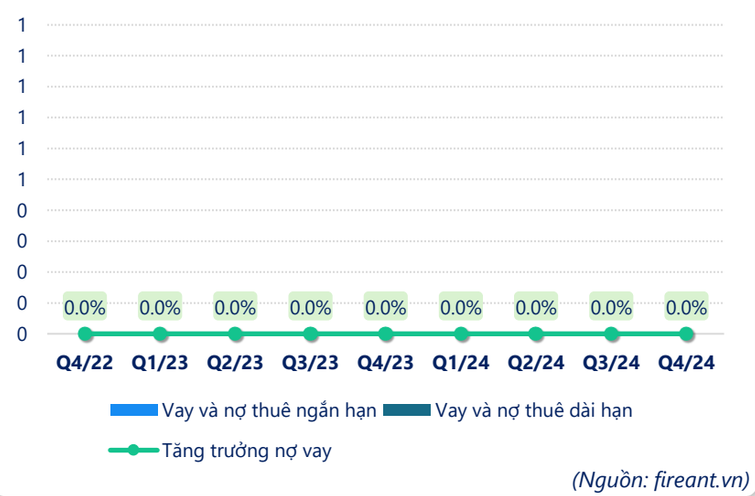

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

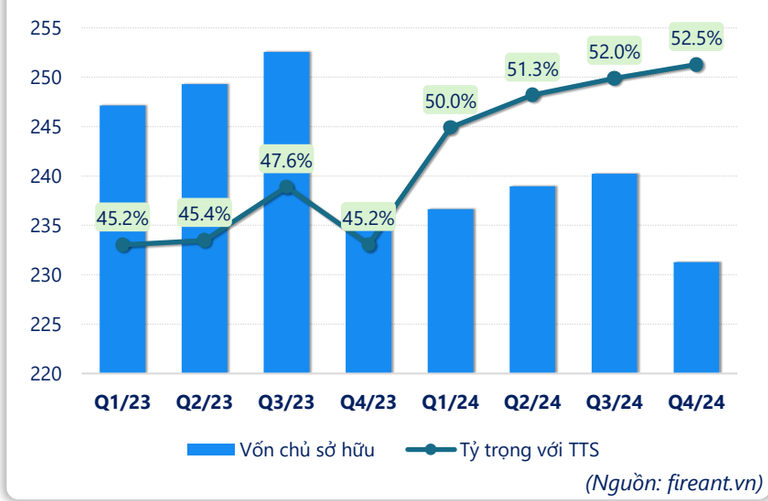

(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Phát triển Đô thị (UPCOM: UDJ)

Kết quả kinh doanh

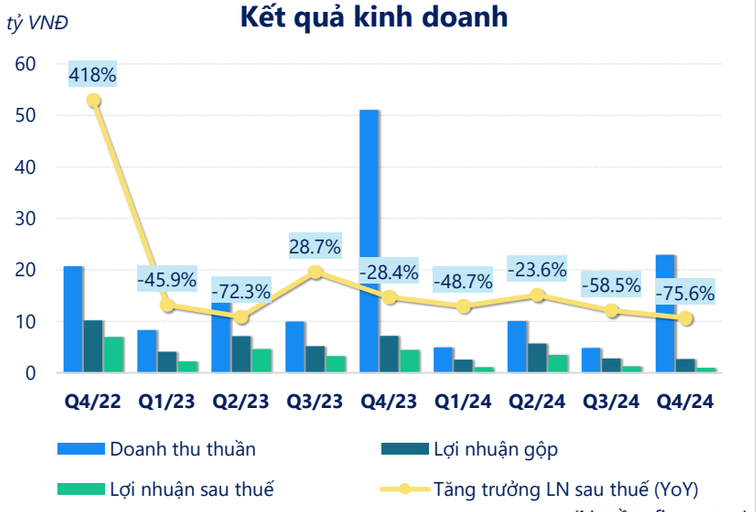

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

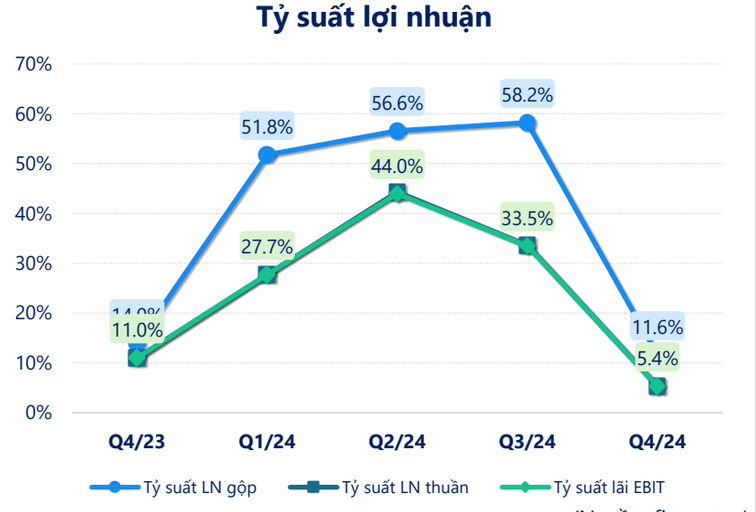

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

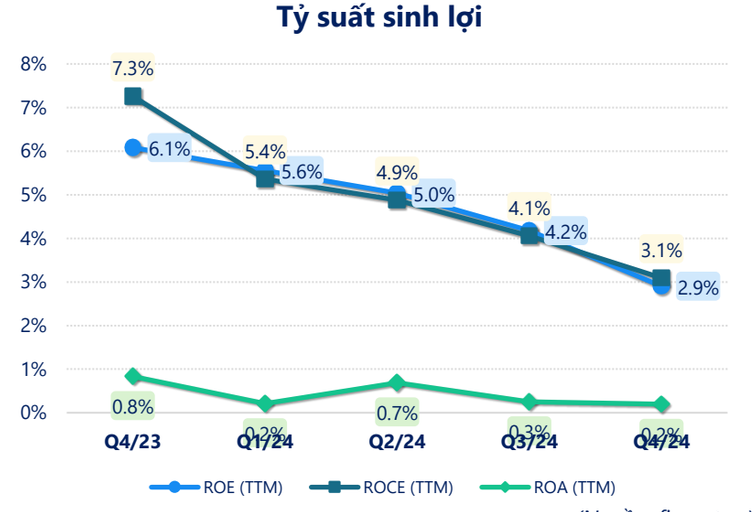

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

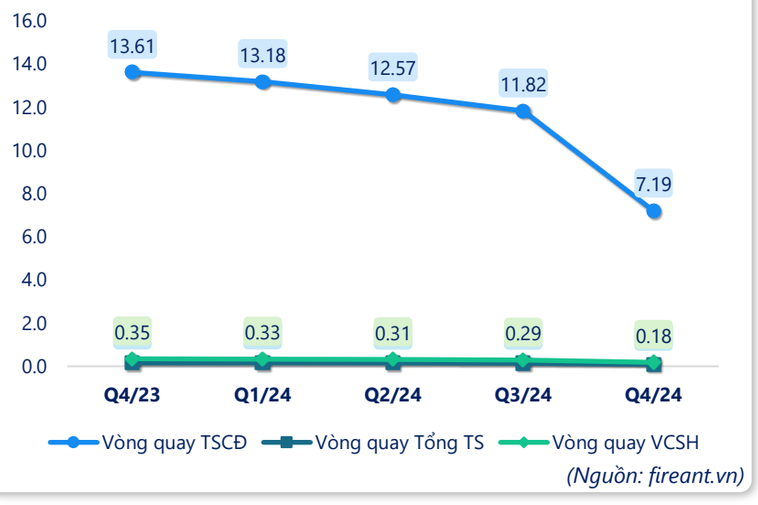

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

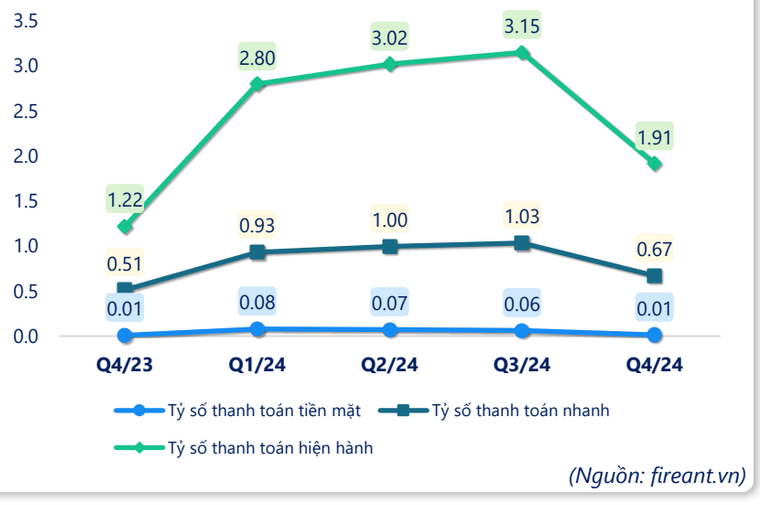

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

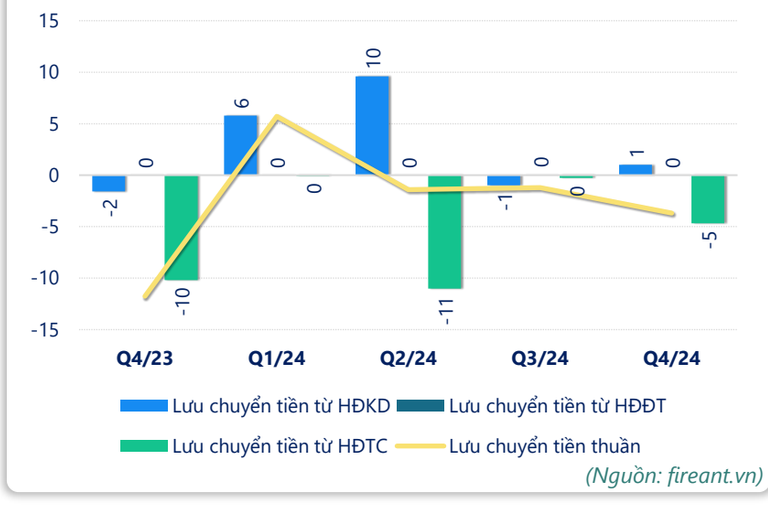

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Phát triển Đô thị (UPCOM: UDJ)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**440**	**521**	**-15.4%**
Tài sản ngắn hạn	250	330	-24.3%
Tiền và tương đương tiền	1.70	2.27	-25.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	85.9	137	-37.2%
Hàng tồn kho	163	191	-15.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.04	0.04	10.6%
Tài sản dài hạn	**190**	**190**	**-0.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	5.84	6.05	-3.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	184	184	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.01**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	209	285	-26.7%
Nợ ngắn hạn	**131**	**150**	**-12.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	84.1	54.2	55.1%
Nợ dài hạn	78.3	136	-42.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**231**	**236**	**-1.8%**
Vốn chủ sở hữu	**231**	**236**	**-1.8%**
Vốn điều lệ	165	165	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	51.0	4.97	10.0	4.83	22.9
Giá vốn hàng bán	43.9	2.40	4.36	2.02	20.2
Lợi nhuận gộp	7.16	2.57	5.69	2.81	2.66
Doanh thu HĐTC	0.00	0.01	0.03	0.04	0.00
Chi phí TC	0.19	0	0	0.15	0.09
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.35	1.20	1.27	1.07	1.33
LN thuần từ HĐKD	5.62	1.38	4.45	1.62	1.23
Lợi nhuận khác	0	0	-0.03	-0.01	0
LN trước thuế	5.62	1.38	4.42	1.62	1.23
Lợi nhuận sau thuế	4.46	1.07	3.50	1.26	0.95
LNST của CĐ cty mẹ	4.46	1.07	3.50	1.26	0.95

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.58	5.78	9.60	-0.97	1.00
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	0.01	0.02	0.04	0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-10.2	-0.07	-11.0	-0.28	-4.69
Tiền đầu kỳ	14.0	2.27	7.98	6.58	5.38
Lưu chuyển tiền thuần	**-11.8**	**5.71**	**-1.40**	**-1.21**	**-3.68**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.27	7.98	6.58	5.38	1.70

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic